TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30-12-2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Nguyên và bà Hoàng Thị Bích Ngọc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Luật – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 243/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Bá C** – sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp x, xã NCT, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Chị **Quách Thị N** – sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp x, xã NCT, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Anh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Bá C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị N tự nguyện chung sống từ năm 2012, sau đó có đăng ký kết hôn ngày 08/6/2013 tại Ủy ban nhân dân xã NCT, huyện Tân Phú. Vợ chồng sống chung đến năm 2015 thì thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên có xảy ra cãi nhau. Vì vậy, vợ chồng đã không còn chung sống từ năm 2015 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên anh yêu cầu được ly hôn đối với chị.

- Về nuôi con: Anh chị có con chung là Nguyễn Nguyệt Đan U – sinh ngày 27/11/2013. Anh đồng ý để chị N tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh C tự nguyện cấp dưỡng cho con số tiền 2.000.000đ/tháng.

- Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị N không đến Tòa án tham gia tố tụng, khi Tòa án đến trực tiếp tại địa phương thì không gặp được, nên không thu thập được lời khai của bị đơn.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không Nguyêno nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C. Về hôn nhân: Cho anh C được ly hôn với chị N. Về con chung: Giao cho chị N trực tiếp nuôi con chung, ghi nhận việc anh C cấp dưỡng cho con. Về tài sản: Đề nghị về tài sản chung, nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có tranh chấp. Về án phí: Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn chị Quách Thị N có nơi cư trú tại xã NCT, huyện Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Anh Nguyễn Bá C khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị N, tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định tư cách đương sự anh C là nguyên đơn và chị N là bị đơn, quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh C và chị N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NCT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 08/6/2013. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Anh C trình bày anh chị có xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp nên anh chị đã không còn tình cảm và không quan tâm, chăm sóc nhau từ năm 2015 cho đến nay. Bản thân chị N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến anh C, không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về tình trạng hôn nhân tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác cũng thể hiện phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, anh C và chị N đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về nuôi con: Anh C đồng ý giao cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Nguyệt Đan U – sinh ngày 27/11/2013 và tự nguyện cấp dưỡng cho con số tiền 2.000.000đ/tháng. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác thể hiện: Từ sau khi xảy ra mâu thuẫn năm 2015, con chung do chị N trực tiếp nuôi dưỡng và có nguyện vọng muốn ở với chị. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu về nuôi con chung, tự nguyện cấp dưỡng cho con của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về tài sản: Anh C trình bày anh chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị N không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung, nợ chung và không có yêu cầu phản tố. Vì vậy, Hội đồng xét xử tách phần tài sản ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí không có giá ngạch đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 11, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Bá C.

- Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Bá C được ly hôn với chị Quách Thị N.

- Về nuôi con: Giao cho chị Quách Thị N trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Nguyệt Đan U – sinh ngày 27/11/2013; anh Nguyễn Bá C cấp dưỡng cho con số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung thành niên và có đủ khả năng lao động tự nuôi bản thân, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 01/2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản: Phần tài sản chung và nợ chung của các đương sự sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Bá C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí không có giá ngạch đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh C đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002002 ngày 05/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí. Anh C phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã NCT (Số 39, ngày 08/9/2013) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng